

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 131/2018/HS-ST
Ngày 31 tháng 10 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Ông Sái Văn Trọng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Hà Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Vĩnh Phúc thuộc thôn G, xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2018/HS- ST ngày 17 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 127/2018/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Song T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1968 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Khu hành chính 13, phường NQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nh (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc L; vợ: Nguyễn Thị Thu H (đã ly hôn), con: Chưa có; Tiền án: 01. Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2016/HS-ST ngày 24/5/2016, Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội xử phạt T 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 15/12/2017, T đã chấp hành xong hình phạt tù. Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/1991/HS-ST ngày 17/9/1991, TAND thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/1993/HSST ngày 25/8/1993, TAND huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) – nay là tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt T 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/1997/HS-ST ngày 02/7/1997, TAND tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt T 36 tháng tù về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”. Ngày 30/11/1999, chấp hành xong hình phạt tù, ngày 01/05/1998 đã chấp hành xong phần án phí hình sự và tiền phạt sung công tổng số tiền 150.000đ; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2001/HS-ST ngày

31/7/2001 của TAND thị xã V (nay là thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc), xử phạt T 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 14/5/2003 chấp hành xong hình phạt tù, tháng 02/2010 T được miễn nộp 50.000đ án phí sơ thẩm; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2004/HS-ST ngày 10/5/2004 của TAND thị xã V (nay là thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc), xử phạt T 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/06/2007, chấp hành xong hình phạt tù, tháng 7/2010 T được miễn nộp 50.000đ án phí sơ thẩm và 62.500đ án phí dân sự trong hình sự; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2009/HS-ST ngày 04/3/2009, TAND thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt T 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 08/12/2012, chấp hành xong hình phạt tù, tháng 6/2009, T đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm; ngày 09/5/2013, bị Công an thành phố V xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ, ngày 13/5/2013 chấp hành xong. Bị cáo đang thực hiện Quyết định số 13/2018/QĐ-TA ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Vĩnh Phúc thuộc xã Kim Long, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, thời gian 18 tháng kể từ ngày 31/7/2018, có mặt.

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; trú tại: Số nhà 69, đường TQT, phường NQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1984; trú tại: số nhà 451 đường HV, phường TĐ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 04/6/2018, Nguyễn Song T một mình đi bộ xung quanh phường NQ với mục đích trộm cắp tài sản. Khi T đi đến nhà chị Nguyễn Thị L tại số nhà 69, đường Trần Quốc Tuấn, phường NQ, thành phố V, T quan sát thấy bên trong ngôi nhà không có người, ở trên bàn uống nước có để 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng trắng, T bước vào bên trong ngôi nhà dùng tay phải cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus lên rồi đút chiếc điện thoại vào túi quần sau bên phải. Sau khi lấy được điện thoại, T đi bộ ra đường Lê Xoay rồi đi dọc theo quốc lộ 2A ra phường TĐ, thành phố V tìm cửa hàng để bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được.

Trên đường đi, T tắt nguồn điện thoại. Khi đến khoảng ngã tư T50, T tháo bỏ sim ra ngoài rồi vút ngay tại mặt đường quốc lộ 2A trước cửa nhà số 168 đường HV, phường TS, thành phố V. Đi đến ngã ba phường TĐ lối đi TD, T nhìn thấy cửa hàng điện thoại Tường Vi ở số nhà 451 đường HV, phường TĐ mở cửa, T đi vào bên trong cửa hàng gặp anh Nguyễn Văn Th, T nói với anh Th: “Em có điện thoại bị cháu nghịch mất mật khẩu, anh xem giá bao nhiêu em bán”, vừa nói T vừa đưa chiếc điện thoại Iphone 7 Plus vừa trộm cắp được cho

anh Th xem. Anh Th kiểm tra máy điện thoại xong và nói: “Máy này không có mật khẩu giờ chỉ còn 1.500.000 đồng thôi”. T đồng ý bán cho anh Th. Số tiền bán chiếc điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết, cơ quan điều tra không thu giữ được.

Chị L sau khi phát hiện bị mất điện thoại đã nói lại cho chồng là anh Vũ Hồng Ch biết, anh Ch xem video từ Camera an ninh của gia đình đã nhận ra T là người đã trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của chị L. Chiều cùng ngày, anh Ch tìm gặp T và hỏi T việc trộm cắp điện thoại của chị L, T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và nói với anh Ch là đã bán chiếc điện thoại trên cho cửa hàng điện thoại Tường Vi ở số nhà 451 đường HV, phường TĐ. Cùng ngày 04/6/2018, chị L đã có đơn gửi Công an phường NQ, thành phố V trình báo. Ngày 06/6/2018, vợ chồng chị L đã đến cửa hàng mua bán điện thoại Tường Vi gặp anh Nguyễn Văn Th và chuộc lại chiếc điện thoại Iphone 7 Plus với số tiền 1.500.000đ rồi giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 92/ KL-HĐĐG ngày 08/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu sơn hồng, trắng, trị giá 9.500.000đ.

Cáo trạng số 130/CT-VKSTPVY ngày 15/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Song T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Người bị hại chị Nguyễn Thị L vắng mặt, quá trình điều tra khai: Khoảng 09 giờ ngày 04/6/2018, chị để chiếc điện thoại iphone 7 của chị tại bàn uống nước ở cửa hàng số nhà 69 đường TQT, NQ, V thì bị T lấy trộm rồi bán cho anh Nguyễn Văn Th. Chị đã chuộc lại chiếc điện thoại trên từ anh Th với số tiền 1.500.000đ và giao nộp chiếc điện thoại cho Công an. Nay chị đã nhận lại điện thoại, chị không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời chị không yêu cầu T trả chị tiền mà chị đã bỏ ra chuộc điện thoại từ anh Th, không yêu cầu bồi thường chiếc sim điện thoại bị mất và đề nghị xử phạt T theo quy định của pháp luật (BL 64 và BL 70, 71).

Anh Nguyễn Văn Th quá trình điều tra khai: Khoảng 11 giờ ngày 04/6/2018, T đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh ở số nhà 451 đường HV, phường TĐ, T bán cho anh 01 điện thoại iphone 7 và nói điện thoại của T nhưng bị cháu nghịch làm mất mật khẩu nên bán. Tin tưởng T, anh đã đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng. Chiếc điện thoại này chị L đã chuộc lại ngày 06/6/2018, với số tiền 1.500.000đ như số tiền anh đã bỏ ra mua nên anh không có yêu cầu đề nghị gì (BL 72 - 75).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 để xử phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù; đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự truy thu để tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000đ của T do phạm tội mà có; xác nhận việc Cơ quan điều tra trả cho chị L chiếc điện thoại là hợp pháp.

Bị cáo T không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng; phù hợp với kết luận định giá tài sản và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 04/6/2018, tại số nhà 69 đường TQT, phường NQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị L, bị cáo Nguyễn Song T đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng trắng, đã cũ, đã qua sử dụng của chị L. Trị giá chiếc điện thoại mà T chiếm đoạt là 9.500.000đ.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp và đúng quy định. Tội phạm và hình phạt được quy định “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng . . . thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang và lo lắng trong nhân dân.

Xét tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vì lòng tham, động cơ tư lợi; để có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của người khác. Bản thân bị cáo có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội xét xử 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 73/2016/HSST ngày 24/5/2016), chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm”.

Bị cáo T còn có nhân thân xấu: Từ năm 1991 đến năm 2009, bị cáo đã bị tòa án nhân dân các cấp, các địa phương khác nhau ở tỉnh Vĩnh Phúc và thành phố Hà Nội nhiều lần xét xử (06 lần) về các hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản”

và tội “Tổ chức dùng chất ma túy”. Tuy các bản án này của bị cáo đều đã được xóa án tích nhưng điều đó thể hiện bị cáo là người coi thường, bất chấp quy định của pháp luật, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, ngoài ra, ngày 09/5/2013, bị cáo còn bị Công an thành phố V xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt và như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đó đều hợp pháp.

[3] Đối với người liên quan:

Đối với anh Nguyễn Văn Th là người đã mua chiếc điện thoại Iphone 7 Plus mà T trộm cắp, tuy nhiên anh Th do tin tưởng là điện thoại của T; không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[4] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Chiếc điện thoại Iphone 7 Plus mà T trộm cắp là tài sản của chị Nguyễn Thị L đã được chị L chuộc từ anh Th và giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V. Ngày 11/8/2018, Công an thành phố V đã trả lại cho chị Nguyễn Thị L chiếc điện thoại trên, chị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường. Đối với số tiền 1.500.000đ chị L trả cho anh Th để chuộc lại điện thoại, chị L tự nguyện không yêu cầu T phải bồi thường cho chị nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 1.500.000đ anh Nguyễn Văn Th bỏ ra để mua điện thoại của T, anh Th đã được chị L chuộc lại điện thoại nên anh không có yêu cầu gì nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc sim lắp trong điện thoại sam sung Iphone 7 Plus của chị Nguyễn Thị L có số thuê bao là 0976.377.907, sau khi trộm cắp được điện thoại, trên đường đi T đã tháo sim vứt xuống mặt đường quốc lộ 2A trước cửa nhà số 168 đường Hùng Vương, phường Tích Sơn, thành phố V, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được. Chị L đã làm lại sim điện thoại và không có yêu cầu gì đối với T về chiếc sim này nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Song T: 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí Hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Song T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh